

NỘI DUNG GHI BÀI
Bài 21: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (tiếp theo)

IV. Tình hình phát triển kinh tế:

1. Công nghiệp:

- Hình thành sớm và phát triển mạnh trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Giá trị sản xuất công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng tăng mạnh, chiếm 21% GDP cả nước (năm 2002).
- Phần lớn giá trị sản xuất công nghiệp tập trung tại Hà Nội, Hải Phòng.
- Các ngành công nghiệp trọng điểm là chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp cơ khí.
- Các sản phẩm công nghiệp quan trọng là máy công cụ, động cơ điện, phương tiện giao thông, thiết bị điện tử, hàng tiêu dùng.

2. Nông nghiệp:

- Đồng bằng sông Hồng đứng thứ hai cả nước về diện tích và tổng sản lượng lương thực nhưng là vùng có trình độ thâm canh cao nhất nước.
- Hầu hết các tỉnh trong vùng đều phát triển được một số cây ưa lạnh như ngô đông, khoai tây, su hào, bắp cải, cà chua và hoa xen canh.
- Vụ đông trở thành vụ sản xuất chính của một số địa phương.
- Đàn lợn chiếm tỉ trọng lớn nhất cả nước (27.2%). Chăn nuôi bò (đặc biệt là bò sữa) đang phát triển.

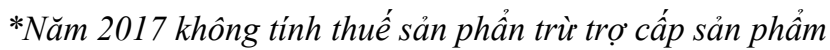
3. Dịch vụ:

- Thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng là hai đầu mối giao thông vận tải quan trọng và là hai trung tâm du lịch lớn ở phía bắc.
- Bưu chính viễn thông là ngành phát triển mạnh. Hà Nội là trung tâm thông tin, tư vấn, chuyển giao công nghệ và là một trong hai trung tâm tài chính ngân hàng lớn nhất nước ta.
- Các địa danh du lịch nổi tiếng như Chùa Hương, Tam Cốc - Bích Động, Côn Sơn, Đồ Sơn, Cúc Phương...

V. Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ:

- Hai thành phố, trung tâm kinh tế lớn : Hà Nội và Hải Phòng.
- Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động của cả hai vùng Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Biểu đồ cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng năm 2002 và năm 2017 (%) [trang 76]*

[illegible]

Năng suất lúa của vùng Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước qua các năm

[trang 77]

Năm	1995	2000	2010	2017
Vùng				
<i>Cả nước</i>	<i>36,9</i>	<i>42,4</i>	<i>53,4</i>	<i>55,5</i>
Đồng bằng sông Hồng	44,4	55,2	59,7	57,2
Đồng bằng sông Cửu Long	40,2	42,3	54,7	56,4

Dựa vào bảng số liệu hãy so sánh năng suất lúa của Đồng Bằng Sông Hồng với Đồng Bằng Sông Cửu Long và cả nước.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:

Tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của vùng Đồng bằng sông Hồng qua các năm [trang 80]

(Đơn vị: %)

Năm	1995	2000	2005	2010	2015	2017
Tiêu chí						
Dân số	100,0	105,6	111,1	116,2	121,2	123,7
Sản lượng lương thực	100,0	128,6	123,7	132,7	131,4	118,8
Bình quân lương thực theo đầu người	100,0	121,8	111,3	114,1	108,4	96,5

Dựa vào bảng số liệu, vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng dân số , sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở Đồng Bằng Sông Hồng.

Hướng dẫn:

Vẽ biểu đồ đường

- Ghi tên biểu đồ
- Vẽ 2 trục
 - + Trục tung (thể hiện %), 1 ô tập = 5 %
 - + Trục hoành (năm), chú ý khoảng cách năm.
- Tại trục ghi đơn vị 90, năm 1995 trùng với trục
- Vẽ số liệu theo thứ tự đề bài đã cho.
- Nối các điểm bằng các đoạn thẳng (nên hoàn thành từng đường nhằm tránh nối nhầm).
- Chú giải và tên biểu đồ